TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN L** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2023/KDTM-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Học

Ông Hoàng Văn Khảm

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST - KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2023 "V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - KDTM ngày 05 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - Chức vụ: Quyền tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tuấn L – Chức vụ: Giám đốc TMCP Bưu điện Liên Việt – chi nhánh P; Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 2 đường Ngô Q, phường Ngô Q, thành phố V, tỉnh Vĩnh P (Theo giấy ủy quyền số 19/2023/UQ-LPBVP ngày 18/6/2023); "Có mặt".

Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố 4 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P "Có mặt bà T, vắng mặt ông M".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Mạnh Q, sinh năm 1994;

Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1995;

Anh Dương Mạnh T, sinh năm 1995;

Chị Dương Thị Hồng C, sinh năm 1992;

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố 4 Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh P "Đều vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 5 năm 2023 và các lời khai tiếp theo và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/06/2022, giữa Ngân hàng với ông Dương Văn Mvà bà Phạm Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD3902022208 cùng phụ lục của hợp đồng số 01/PL/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2022; theo đó, Ngân hàng đã cho ông M và bà T vay vốn, theo hạn mức tín dụng: Tổng số tiền giải ngân cho vay là 4.800.000.000 đồng theo 04 giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3902022208/03 từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/04/2023 lãi suất áp dụng là 12,5%/năm; 3902022208/04 từ ngày 22/11/2022 đến ngày 22/04/2023 lãi suất áp dụng là 12,5%/năm; 3902022208/05 từ ngày 23/11/2022 đến ngày 24/04/2023 lãi suất áp dụng là 12,5%/năm; 3902022208/06 từ ngày 30/11/2022 đến ngày 02/05/2023 lãi suất áp dụng là 11,5%/năm. Thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng hạn mức; lãi suất theo phương thức thả nổi; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: Bằng 10%/năm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ kinh doanh đồ mộc dân dụng (Giường các loại). Đối với hạn mức cho vay, thời hạn cho vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay cho bên được cấp tín dụng cho đến hết ngày bên được cấp tín dụng phải trả hết nợ (gốc, lãi) và được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng hoặc Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ; Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả cuối kỳ hoặc trả trước hạn khi có nguồn thu; trả nợ lãi 01 lần/tháng vào ngày 25 hàng tháng.

Phương thức điều chỉnh lãi: Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng và mức điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thông thường của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản 01: Quyền sử dụng 355 m^2 đất, thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 197861 do UBND huyện Y, tỉnh Vĩnh P cấp ngày 03/4/2003 cho chủ hộ Dương Văn M; địa chỉ thửa đất: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P theo Hợp

đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HDTC3902022208 ngày 23/06/2022.

Tài sản 02: 01 xe ôtô biển số: 88A-304.34; Nhãn hiệu Toyota; loại xe: ôtô con; Số máy: 2TRA677660; Số khung; 3GS2K0940278; Màu xe: Trắng; chỗ ngồi: 07 theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh P cấp ngày 04/12/2019 cho anh Dương Mạnh Q theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: HDTC3902022208/01 ngày 29/06/2022.

Các tài sản đảm bảo trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Sau khi vay tiền ông Dương văn M và bà Phạm Thị T mới trả cho Ngân hàng được tổng số tiền 202.487.940 đồng (Trong đó 157 đồng nợ gốc còn lại là tiền lãi). Sau đó ông M, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng tín dụng cùng phụ lục của hợp đồng nên khoản vay của ông M và bà T đã chuyển sang nợ quá hạn từ kỳ tháng 04/2023. Kể từ khi khoản vay của ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phát sinh chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ gọi điện thoại, gửi thông báo yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông M, bà T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 29/9/2023 ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 5.257.696.986 đồng (Năm tỷ hai trăm năm bảy triệu sáu trăm chín sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng) (Trong đó nợ gốc là: 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3902022208 ký ngày 23/06/2022 với tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là: 5.257.696.986 đồng (Năm tỷ hai trăm năm bảy triệu sáu trăm chín sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng) (Trong đó nợ gốc là: 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi suất quá hạn phát sinh tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cùng phụ lục của hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ vay thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý, bán phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 355 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W197861 do UBND huyện Y, tỉnh P cấp ngày 03/04/2003

cho chủ hộ Dương Văn M và xe ôtô theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 ngày 04/12/2019 cho anh Dương Mạnh Q; Biển số: 88A-304.34; Màu xe: Trắng; chỗ ngồi: 07 theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với chi phí thẩm định đối với tài sản Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày và xác nhận: Bà cùng với chồng bà là ông Dương Văn M có ký hợp đồng tín dụng, phụ lục của hợp đồng tín dụng; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và bà cùng với chồng bà là M và các con bà là Dương Mạnh Q, Nguyễn Thị Hồng M, Dương Mạnh T, Dương Thị Hồng C có ký hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn của Ngân hàng thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt chi nhánh P với số tiền vay là: 4.800.000.000đồng. Sau đó trả được tổng số tiền 202.487.940 đồng (Trong đó 157đồng nợ gốc còn lại là tiền lãi). Số tiền nợ gốc bà và ông M còn nợ Ngân hàng là 4.799.999.843 đồng và tiền lãi phát sinh sau khi vay vốn chưa trả là: 457.697.143 đồng; mục đích vay vốn và lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng như Ngân hàng khởi kiện và trình bày là đúng, bà không bổ sung gì và cũng không có thắc mắc gì. Việc bà và ông M vay vốn Ngân hàng; bà và ông M cùng các con của ông bà thế chấp tài sản, ký hợp đồng thế chấp để bà và ông M vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Hiện tại vợ chồng bà làm ăn thua lỗ nên không có đủ khả năng để trả nợ ngay cho Ngân hàng được nên xin trả dần số nợ nhưng chưa xác định được thời gian trả nợ, trường hợp không trả được nợ thì đồng ý giao tài sản là: Quyền sử dụng diện tích 355 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 197861 do UBND huyện Y, tỉnh P cấp ngày 03/04/2003 cho chủ hộ Dương Văn M và anh Q con trai bà đồng ý giao 01 chiếc xe ôtô theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 ngày 04/12/2019; biển số: 88A-304.34; Màu xe: Trắng; chỗ ngồi: 07 cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ. Hiện bà cùng các con bà là anh Q, anh T, chị M và chị C đang quản lý và sử dụng thửa đất thế chấp tại Ngân hàng; anh Q, chị M đang quản lý sử dụng xe ô tô, không cho ai thuê, mượn.

Hiện tại ông M đi làm và thỉnh thoảng mới về nhà (Bà không biết nơi ông M làm); gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc được với ông M bằng điện thoại; Khi bà nhận được thông báo thụ lý vụ án giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án về nhà bà đều thông báo cho ông M và các con bà biết; ông M và các con bà đều đã biết việc Tòa án

thụ lý giải quyết việc khởi kiện nhưng do bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc được.

Ông Dương Văn M là bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Mạnh Q, chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Dương Mạnh T, chị Dương Thị Hồng C đều không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T.

Buộc ông M, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu.Trường hợp ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T không thanh toán trả số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 355 m2 tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 197861 do UBND huyện Yên L, tỉnh P cấp ngày 03/04/2023 cho chủ hộ Dương Văn M) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HDTC3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022 (Có sơ đồ kèm theo) và tài sản là chiếc xe ôtô theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 ngày 04/12/2019; biển số: 88A-304.34; Màu xe: Trắng; chỗ ngồi: 07 đứng tên đăng ký anh Dương Mạnh Q.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho Ngân hàng số tiền 6.300.000 đồng.

Về án phí: Ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phải trả tiền vay từ Hợp đồng tín dụng đã

ký kết mục đích vay để kinh doanh nên đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời hạn giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho ông Dương Văn M, anh Dương Mạnh Q, chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Dương Mạnh T, chị Dương Thị Hồng C đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M, anh T, anh Q, chị M và chị C đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án.

Bị đơn là ông Dương Văn M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Dương Mạnh Q, chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Dương Mạnh T, chị Dương Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ngân hàng giải ngân cho ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số: HDTD3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022; phụ lục của hợp đồng ngày 29 tháng 6 năm 2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDTC3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Dương Văn M, bà Phạm Thị T, anh Dương Mạnh Q, chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Dương Mạnh T, chị Dương Thị Hồng C và Hợp đồng thế chấp xe ô tố số: HDTC3902022208/01 ngày 29 tháng 06 năm 2022 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Dương Văn M, bà Phạm Thị T, anh Dương Mạnh Q, chị Nguyễn Thị Hồng M. Các hợp đồng trên được giao kết đúng quy định của pháp luật và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận do có nhu cầu vay vốn kinh doanh nên ông M bà T có vay tiền của Ngân hàng và số tiền vay sử dụng vào mục đích kinh doanh hàng mộc. Trong thời hạn vay đã trả được một phần nợ gốc và lãi sau đó không trả được nợ cho Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay ông M, bà T, anh Q, chị M anh T, chị C đã tự nguyện thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất số: HDTC3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022; ông M, bà T, anh Q, chị M đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: HDTC3902022208/01 ngày 29 tháng 06 năm 2022. Nay bà T thừa nhận còn nợ Ngân hàng 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong

hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311 đồng và đồng ý tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, phụ lục của hợp đồng cùng giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và xin được trả dần toàn bộ số nợ nhưng chưa xác định được thời gian trả nợ. Xét thấy việc Ngân hàng yêu cầu ông M và bà T và phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 5.257.696.986 đồng (Trong đó nợ gốc là: 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày 30/9/2023 đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022 cùng phụ lục của hợp đồng và các giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu mà Ngân hàng nộp tại Tòa án cũng như lời trình bày của bà T thì ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T và anh Dương Mạnh Q; chị Nguyễn Thị Hồng M, anh Dương Mạnh T, chị Dương Thị Hồng C có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDTC3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022; ông M, bà T, anh Q, chị M đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: HDTC3902022208/01 ngày 29 tháng 06 năm 2022 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay tại Ngân hàng của ông M bà T. Nay bà T trình bày xin trả dần số nợ, nếu không trả được thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định vợ chồng ông M và bà T, anh T, anh Q, chị Mvà chị C đã dùng toàn bộ khối tài sản của mình là Quyền sử dụng 355 m^2 tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 197861 do UBND huyện Y, tỉnh P cấp ngày 03/04/2023 cho chủ hộ Dương Văn M; anh Dương Mạnh Q và bà Nguyễn Thị Hồng M đã dùng tài sản là chiếc xe ôtô theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 ngày 04/12/2019; biển số: 88A-304.34; Màu xe: Trắng; số chỗ: 07 đứng tên đăng ký anh Dương Mạnh Q để đảm bảo cho khoản vay của ông M, bà T tại Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông M và bà T thanh toán trả Ngân hàng tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 5.257.696.986 đồng (Trong đó nợ gốc là: 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311đồng, tính đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2023) và yêu cầu tiếp tục trả lãi suất quá hạn phát sinh tính trên số dư nợ gốc kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp ông M và bà T không trả được số nợ trên cho Ngân hàng thì toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên thuộc quyền sở hữu của ông M, bà T, anh T, anh Q, chị M và chị C sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của Bộ luật dân sự và các điều khoản của hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cùng với chính quyền địa phương đến tại thửa đất số thửa đất số 562, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P để tiến hành thẩm định tài sản nhưng ông M và bà T đi vắng, con dâu bà T và cán bộ địa chính thị trấn chỉ mốc giới để đo đạc (Có sơ đồ kèm theo trong hồ sơ vụ án). Qua đo đạc thực tế thì tổng diện tích đất của hộ ông M đang sử dụng là 355m^2 bằng diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Q chị M không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không thể yêu cầu anh Q chị M đem xe ô tô đến Tòa án để tiến hành thẩm định đối với xe mô tô được; do không thẩm định đối với xe ô tô được nên khi xử lý đối với tài sản thế chấp là xe ô tô thì Cơ quan thi hành án căn cứ vào tài sản thực tế tại thời điểm Thi hành án để kê biên, xử lý đối với tài sản.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tạm ứng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản và đã chi phí hết số tiền là 6.300.000đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí cho việc thẩm định tại chỗ đối với tài sản nên buộc bị đơn là ông Minh, bà Thúy phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho nguyên đơn số tiền 6.300.000đồng.

Ngân hàng có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để bị đơn là ông M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án làm việc nên các chi phí nhắn tin nguyên đơn chịu toàn bộ với tổng số tiền là 8.700.000đồng (Nguyên đơn đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39; 147, 155, 156, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T.

Buộc ông Dương Văn M và bà Phạm Thị Tphải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 5.257.696.986 đồng (năm tỷ hai trăm năm bảy triệu sáu trăm chín sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng) (Trong đó nợ gốc là: 4.799.999.843 đồng; tiền lãi trong hạn là: 302.201.945 đồng, lãi quá hạn là: 135.345.887 đồng và lãi chậm trả lãi là: 2.149.311đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông M, bà T còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số: HDTD3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022, phụ lục của hợp đồng và các giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ.

Trường hợp ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T không thanh toán trả số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt có quyền đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 355 m^2 tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 03 ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh P (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 197861 do UBND huyện Y, tỉnh P cấp ngày 03/04/2023 cho chủ hộ Dương Văn M) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HDTC3902022208 ngày 23 tháng 06 năm 2022 (Có sơ đồ kèm theo) và tài sản là chiếc xe ôtô theo chứng nhận đăng ký xe ôtô số 051577 ngày 04/12/2019; biển số: 88A-304.34; Màu xe: Trắng; chỗ ngồi: 07 đứng tên đăng ký anh Dương Mạnh Q theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: HDTC3902022208 ngày 29 tháng 06 năm 2022 để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật (Việc xử lý xe ô tô theo tình trạng xe tại thời điểm thi hành án).

Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán tài sản, các khoản nộp cho Nhà nước (nếu có) không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Dương Văn M và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán trả lại cho Ngân hàng số tiền 6.300.000đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M, bà T không thanh toán trả Ngân hàng số tiền 6.300.000đồng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Dương Văn M và bà Phạm Thị Tphải chịu 113.257.000đ (Một trăm mười ba triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả Ngân hàng 56.200.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001731 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Tố Uyên